TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

án số: 26/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 17-6 -2022
"V/v: ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Thu Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hảo.
2. Ông Nguyễn Thế Căn.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn, thư ký tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/HPT-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Thị T sinh năm 1980. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: anh Trần Bình T1, sinh năm 1966.

Đều có địa chỉ: khu N, phường C, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị và anh Trần Bình T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố M năm 2000 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mỗi lần như thế anh T1 đuổi chị ra khỏi nhà, nguyên nhân cũng một phần từ chị có chơi bài bạc và nợ lần, trước đó năm 2019 chị cũng đã 1 lần đưa đơn ly hôn đến Tòa án và được Tòa án khuyên giải về đoàn tụ gia đình, tuy nhiên sau khi rút đơn về, cuộc sống vợ chồng không thay đổi vẫn cãi vã nhau cho đến tháng 2/2020 sau một lần cãi vã, anh T1 đã đuổi chị ra khỏi nhà từ đó cho đến

nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1.

Về con chung: chị và anh T1 sinh được 03 con chung là Trần Tiến D, sinh năm 2000, Trần Tiến Đ, sinh ngày 25/2/2004 và Trần Gia H, sinh ngày 04/9/2015 hiện đang ở với anh T1. Các cháu Trần Tiến D và Trần Tiến Đ đã thành niên chị không có đề nghị gì. Tại bản tự khai chị đề nghị được nuôi con chung là cháu Trần Gia H đến tuổi thành niên. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị thay đổi yêu cầu nhường quyền nuôi con chung là cháu Trần Gia H cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu H đang ở với ông T1 từ nhỏ cho đến nay.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: không có.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm các giấy tờ liên quan đến nhân thân của các đương sự và các con chung.

Quá trình giải quyết anh T1 không chấp hành triệu tập của Tòa án, không có mặt tại Tòa án, không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì.

Tại biên bản xác minh đại diện chính quyền địa phương cung cấp với nội dung: trong thời gian chung sống tại địa phương chị T và anh T1 có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do chị T chơi cờ bạc, nợ nần. Hiện tại chị T và anh T1 sống ly thân nhau, ít khi thấy chị T về nhà, chỉ thấy anh T1 sống một mình nuôi con nhỏ từ khi chị T bỏ đi cho đến nay.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ việc triệu tập vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không có yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T và anh Trần Bình T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Móng Cái, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có đơn xin xét

xử vắng mặt, không có người đại diện hợp pháp, theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]Về tình cảm: cuộc hôn nhân của chị T và anh T1 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đăng ký theo quy định của pháp luật, như vậy cuộc hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân do chị T thường xuyên chơi cờ bạc, nợ nần, anh T1 không khuyên bảo được vợ nên vợ chồng xảy ra xô sát, anh T1 đuổi chị T ra khỏi nhà, hiện tại vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của chị T đối với anh T1

[3.2] Về con chung: như lời khai của chị T và các tài liệu do chị T cung cấp thể hiện: chị T và anh T1 có 03 con chung, các cháu Trần Tiến D và Trần Tiến Đ đã thành niên nên, đương sự không có yêu cầu gì nên không xét, đối với cháu Trần Gia H còn nhỏ đang ở với bố nên việc chị T nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho anh T1 là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật, nên chấp nhận

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về khoản nợ chung: không có.

[7] Về án phí: chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc ly hôn.

Xử: cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Bình T1.

Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 04/9/2015 cho anh Trần Bình T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008673 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh QN, TP MC;
- Chi cục THA Dân sự;
- UBND nơi ĐS ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Nga